TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG Bản án số:13/2024/DS -ST Ngày: 26/3/2024 *V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản ".*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Văn Điền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Minh Sơn.

2. Bà: Mai Lương Anh.

- Thư ký phiên tòa: *Ông* Huỳnh Ngọc Phú – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên toà bà: Nguyễn Thị Ngọc T **– *Kiểm sát viên***

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 323/2023/TLST - DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐST-DS ngày 20/02/2024 và quyết định hoãn phiên toà số 23/2024/QĐST- DS ngày 19/3/2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1949

Địa chỉ: Bưu cục giao dịch quốc tế Sài Gòn, Hai Bà Trưng, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn có ông: Dương Anh P, sinh năm 1964; Địa chỉ: 57/13/2 Nguyễn Đình Q, Phường, thành phố Đà Lạt, theo văn bản uỷ quyền ngày 08/12/2023

Bị đơn: Ông Trần V**,** sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: Ánh S, phường, thành phố Đà Lạt.

(ông Vcó đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện cho nguyên đơn Dương Anh P *trình bày:*

Do bà Nguyễn Thị S có quen biết với ông Trần V, địa chỉ thường trú tại: 63 Sáng, phường, thành phố Đà Lạt. Do ông V cần vốn để làm ăn. Nên vào ngày12/02/2014 ông V có vay mượn của bà Nguyễn Thị S số tiền 1.200.000.000đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*), khi vay giữa ông V và bà S có làm giấy mượn tiền, ông V có ký nhận.

Thời hạn trả nợ là vào ngày 12/5/2014, khi vay lãi suất hai bên thoả thuận nhưng đến hạn ông Vinh vẫn không chịu thanh toán cho bà Sáu số tiền trên.

Từ thời điểm vay cho đến nay ông V chưa trả được một khoản nào về tiền gốc và lãi.

Tuy nhiên bà S đã gọi điện và gặp ông V rất nhiều lần đề nghị ông V trả số tiền trên nhưng ông V vẫn cố tình né tránh không chịu trả.

Nay bà S khởi kiện buộc ông V phải trả số tiền 1.200.000.000đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*) cho bà Sáu. Bà S không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai ngày 22/12/2023 của ông V trình bày:

Do ông Trần Vcó quen biết bà Nguyễn Thị tại Sài Gòn nên vào năm 2014 ông Vinh có vay tiền của bà S số tiền 1.200.000.000đồng (*Một tỷ hai trăm triệu* đồng). Khi vay hai bên thoả thuận không tính lãi. Từ khi vay cho đến nay ông V chưa trả được một khoản tiền gốc nào cho bà S. Nay bà S yêu cầu ông V trả 1.200.000.000đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*) ông V đồng ý và không tính lãi.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng do bị đơn có đơn xin vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được

Tại phiên: Tòa hôm nay nguyên đơn là bà Nguyễn Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Buộc ông Trần V trả số tiền 1.200.000.000đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*), bà S không yêu cầu tính lãi.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Vụ án thụ lý đúng trình tự theo luật quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký từ khi nhận đơn đến lúc đưa vụ án ra xét xử, xác định tư cách tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự cũng như chứng cứ của vụ án, việc hòa giải đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định, đồng thời chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Vinh trả cho bà Sáu số tiền 1.200.000.000đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*) tiền gốc, bà Sáu không yêu cầu tính lãi nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] *Về thẩm quyền*: Vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị s, bị đơn ông T V, do bị đơn có đăng ký hộ khẩu tại Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, vì vậy: Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Về sự vắng mặt của bị đơn: Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn, bị đơn đã có bản tự khai và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt của bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S yêu cầu ông Trần V trả 1.200.000.000đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*) theo giấy cam kết mượn và trả tiền ngày 12/02/2014 và không yêu cầu tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 22/12/2023 của ông Vinh trình bày:

Ông Vinh thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị S số tiền 1.200.000.000đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*) và đồng ý trả.

Việc vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào ngày 12/02/2014, tuy nhiên nguyên đơn vẫn thường xuyên yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không trả, hơn nữa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với bị đơn nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, thể hiện:

[3.1] Về thời gian vay tiền và số tiền vay cụ thể như sau: Vào ngày 12/02/2014 ông Trần V vay của bà Nguyễn Thị S số tiền 1.200.000.000đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng)* và ngày trả 12/5/2014.

Khi vay ông V có làm giấy mượn, trả tiền. Ông V có ký xác nhận và đã nhận đủ tiền.

Bà Nguyễn Thị S xác định đến nay ông Trần V còn nợ của bà số tiền gốc là 1.200.000.000đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*), bà S yêu cầu ông V trả toàn bộ số tiền trên và không yêu cầu tính lãi.

* Tại Biên bản tự khai của V. Ông thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị S số tiền 1.200.000.000đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*) và ông đồng ý trả.

Căn cứ vào giấy cam kết mượn và trả tiền vào ngày 12/02/2014 và lời khai của ông V. Có đủ căn cứ kết luận: ông Trần V còn nợ bà Nguyễn Thị S số tiền 1.200.000.000đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*).

Việc ông V không thanh toán số tiền trên cho bà S là đã vi phạm quy định về hợp đồng dân sự về vay tài sản; nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đồng thời gây khó khăn cho bà S, làm ảnh hưởng quyền lợi của bà S nên việc bà S khởi kiện yêu cầu ông V trả số tiền trên cho bà Sáu là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chỉ yêu cầu ông V trả nợ và nguyên đơn cũng không yêu cầu bất kỳ ai trả nợ.

Từ những nhận định và phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần V phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị S toàn bộ số tiền nợ là 1.200.000.000đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*).

Về tiền lãi: Bà S không yêu cầu ông V phải trả lãi nên Tòa không xem xét.

[4] *Về án phí:*

- Yêu cầu của bà Nguyễn Thị S được chấp nhận nên ông Trần V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy ông V là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự

Căn cứ khoản 1 Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S đối với bị đơn ông Trần V về việc khởi kiện " *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Buộc ông Trần V phải trả số tiền 1.200.000.000đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*) cho bà Nguyễn Thị Sáu.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất các các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. *Về án phí:* Ông Trần V, sinh năm 1959, theo điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Trần V, sinh năm: 1959 thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

3.*Quyền kháng cáo*: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa (Trần V) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được (niêm yết) tống đạt hợp lệ.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng
-VKSND Tp. Đà Lạt;
-Chi cục THADS tp.Đà Lạt;
· Các đương sự;
· Lưu hồ sơ vụ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Điền